TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 05/6/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: **Trần Đức Phát.**

- Bà: **Nguyễn Thị Bé.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Chiến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số: 01/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019, về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Bà **Lê Thị L**; Sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện R, tỉnh L.

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. ***Bị đơn***: Vợ chồng ông **Lê Đình T**, sinh năm: 1973; Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện R, tỉnh L.

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***: Ông **Phùng Văn Th**, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện R, tỉnh L.

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18 tháng 12 năm 2018 và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 26/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2018, vợ chồng ông Th, bà L có bán cho vợ chồng ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị X cám để chăn nuôi heo. Ngày 31/5/2018, vợ chồng ông T viết giấy nhận nợ số tiền mua cám với tổng số tiền là 60.000.000 đồng và thực hiện trách nhiệm trả nợ hàng tháng với số tiền là 10.000.000 đồng. Ông T, bà X không thực hiện trách nhiệm trả nợ như đã cam kết

nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà X phải trả số tiền nợ là 60.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán và trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ với số tiền là 6.000.000 đồng. Ngoài ra bà L không có yêu cầu gì.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn vợ chồng ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị X trình bày:

Ông T, bà X thừa nhận có mua cám để nuôi heo của vợ chồng ông Phùng Văn Th, bà Lê Thị L nhiều lần với số tiền là 60.000.000 đồng và có viết giấy hẹn trả nợ ngày 31/5/2018. Theo giấy hẹn trả nợ thì ông T, bà X có trách nhiệm trả nợ vào ngày 20 hàng tháng với số tiền là 10.000.000 đồng. Do việc chăn nuôi heo thua lỗi nên ông T, bà X chưa có tiền để trả. Qua yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông T, bà X chấp nhận trả số tiền nợ 60.000.000 đồng. Ngoài ra ông T, bà X không có yêu cầu gì.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn Th trình bày:

Ông Th thống nhất theo lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị L. Ngoài ra ông Th không có yêu cầu gì.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ là 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định; Về án phí buộc các bên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị L; Bị đơn ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị X; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Căn cứ Khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Lê Thị L có mua bán cám chăn nuôi heo cho bị đơn ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị X với tổng số tiền là 60.000.000 đồng nhưng đến nay ông T, bà X chưa trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua bán cám với tổng số tiền là 60.000.000 đồng và 6.000.000 đồng lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*".

[3] Xét về hợp đồng mua bán cám chăn nuôi heo giữa bà Lê Thị L với ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị X:

Trong những tháng đầu năm 2018, bà L và chồng là ông Phùng Văn Th có xác

lập hợp đồng mua bán cám chăn nuôi heo với ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị X với tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Bà L, ông Th đã giao đủ số lượng cám theo hợp đồng nhưng ông T, bà X chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền mua bán theo hợp đồng. Ngày 31/5/2018, ông T, bà X viết giấy hẹn trả. Theo giấy hẹn trả nợ thì ông T, bà X cam kết trả nợ theo tháng cụ thể là ông T, bà X trả số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 20/6/2018. Số tiền còn lại là 50.000.000 đồng ông T, bà X sẽ trả vào ngày 20 hàng tháng, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, thời hạn kết thúc nghĩa vụ trả nợ vào ngày 20/11/2018. Tuy nhiên, ông T, bà X không thực hiện theo cam kết trả nợ, đến nay ông T, bà X cũng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng.

[4] Từ những căn cứ trên, xét ý kiến, yêu cầu của các bên cụ thể như sau:

Đối với số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, ông T, bà X thừa nhận và đồng ý trả. Do đó, buộc ông T, bà X phải thanh toán số tiền nợ mua bán cám chăn nuôi heo cho ông Th, bà L với tổng số tiền là 60.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả số tiền 6.000.000 đồng lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp của bà L thì ông T, bà X xin không trả với lý do chăn nuôi thua lỗ nhưng bà L không đồng ý vì đã cho ông T, bà X trả dần số nợ theo tháng như ông T, bà X cũng không trả nợ. Bà L, ông T, bà X đều yêu cầu xem xét tính lại số tiền lãi theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp của bà L là có cơ sở để chấp nhận và tính lãi suất cụ thể như sau:

Tiền lãi từ ngày 21/6/2018 đến ngày 05/6/2019: 10.000.000 đồng x 10%/năm x 11 tháng 15 ngày = 958.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 21/7/2018 đến ngày 05/6/2019: 10.000.000 đồng x 10%/năm x 10 tháng 15 ngày = 874.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 21/8/2018 đến ngày 05/6/2019: 10.000.000 đồng x 10%/năm x 9 tháng 15 ngày = 791.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 21/9/2018 đến ngày 05/6/2019: 10.000.000 đồng x 10%/năm x 8 tháng 15 ngày = 708.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 21/10/2018 đến ngày 05/6/2019: 10.000.000 đồng x 10%/năm x 7 tháng 15 ngày = 624.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 21/11/2018 đến ngày 05/6/2019: 10.000.000 đồng x 10%/năm x 6 tháng 15 ngày = 541.000 đồng.

Tổng số tiền lãi phải trả là 4.496.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi suất buộc ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L, ông Phùng Văn Th với số tiền là 64.496.000 đồng.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị X phải chịu 3.224.000 đồng (64.496.000 x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Lê Thị L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" đối với bị đơn ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị X.

Buộc ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị X phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán cám chăn nuôi heo cho bà Lê Thị L, ông Phùng Văn Th với số tiền là 64.496.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

(*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự).*

2. Về án phí: Buộc ông Lê Đình T, bà Nguyễn Thị X phải nộp số tiền là 3.224.000 đồng (Ba triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003701 ngày 03 tháng 01 năm 2019 và biên lai thu tiền số AA/2016/0003745 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tóa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- CC THADS huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đặng Ngọc Bình